TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoài Sơn

Ông Nguyễn Minh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lộc Hồng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn D sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phùng Thị T sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2023, bản tự khai ngày 10 tháng 3 năm 2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Hoàng Văn D trình bầy: Anh và chị Phùng Thị T kết hôn ngày 02 tháng 01 năm 2012, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái, vợ chồng kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh D tại thôn K, xã C, huyện V, đến năm 2018 vợ chồng làm nhà ra ở riêng tại thôn P, xã C, huyện V. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, chị T tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa, không quan tâm hỏi han gì đến chồng con và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau

nữa, anh D đã gọi điện cho chị T nói chuyện về việc ly hôn, chị T có về và đồng ý giải quyết vụ việc ly hôn theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Hòa giải viên đã nhiều lần gửi giấy mời anh D chị T đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải và anh D đã thông báo cho chị T nhưng chị T không về để giải quyết việc ly hôn nên anh D đã đề nghị chấm dứt hòa giải và chuyển vụ việc sang giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh D, chị T có hai người con chung là Hoàng Q sinh ngày 05 tháng 02 năm 2014 và Hoàng Thị T sinh ngày 09 tháng 02 năm 2018. Nay vợ chồng ly hôn anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

Bị đơn là chị Phùng Thị T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần để chị T thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản cho Tòa án nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh D.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền thụ lý vụ án tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Sau khi nhận đơn khởi kiện Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, nhưng do chị Thân vắng mặt nên vụ việc được chuyển sang thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho VKS và đương sự đúng quy định tại các điều 177, 179, 191, 195 và khoản 1, 2 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ, cấp, tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại các điều 208, 209, 210 và 211 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại điểm a khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn, anh Hoàng Văn D đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn, chị Phùng Thị T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng chị T đều không có mặt theo giấy triệu tập

của Tòa án, không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 19, 51, 53, 56, 58, 81, 82, và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân, anh Hoàng Văn D được ly hôn chị Phùng Thị T; về con chung, giao hai người con là Hoàng Q sinh ngày 05 tháng 02 năm 2014 và Hoàng Thị T sinh ngày 09 tháng 02 năm 2018 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hoàng Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phùng Thị T và yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn. Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Phùng Thị T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T đều vắng mặt, nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa ngày 28 tháng 7 năm 2023 và ngày hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng chị T đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn D và chị Phùng Thị T kết hôn ngày 02 tháng 01 năm 2012, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn anh D, chị T đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D, chị T tính tình không hợp, từ tháng 7 năm 2020 chị T tự ý nhà bỏ đi làm ăn xa, không cho anh D biết chị làm gì, ở đâu và cũng từ đó chị không quan tâm hỏi han gì đến chồng, con. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngay chị bỏ đi làm ăn xa nhà và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập chị T đến Tòa án để giải quyết việc anh D xin ly hôn nhưng chị T đều không đến, qua đó thể hiện chị T không mong muốn hàn gắn gia đình. Như vậy, tình trạng hôn nhân

giữa anh D, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh D, xử cho anh D được ly hôn chị T.

[3.2] Về con chung: Anh D, chị T có hai người con chung là Hoàng Q sinh ngày 05 tháng 02 năm 2014 và Hoàng Thị T sinh ngày 09 tháng 02 năm 2018. Nay vợ chồng ly hôn, anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con. Xét thấy, kể từ khi chị T bỏ đi làm ăn xa (Tháng 7/2020) thì cả hai người con đều do anh D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và vẫn đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, bản thân anh D có đủ điều kiện, khả năng nuôi con. Vì vậy, giao cả hai người con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Anh D, chị T được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Hoàng Văn D được ly hôn chị Phùng Thị T.

2. Về nuôi con chung:

Giao hai người con là Hoàng Q sinh ngày 05 tháng 02 năm 2014 và Hoàng Thị T sinh ngày 09 tháng 02 năm 2018 cho anh Hoàng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Phùng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là là 300.000 (Ba

trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003240 ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, xác nhận anh D đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh Hoàng Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Phùng Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã C, huyện V;
- Các đương sự (Anh D, chị T);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt Hà